

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ P  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/HS-ST  
Ngày 23-8-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thu Hiền

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Bạch Gương
2. Bà Nguyễn Thế Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 100/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2022/QĐ-TA ngày 09 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Võ Quốc P**, tên gọi khác: Không; sinh năm 1991 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Tổ 9, khu phố V, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Đặng Thị T1; có vợ là Nguyễn Thị T2 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

**2. Nguyễn H**, tên gọi khác: Không; sinh năm 1983 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Tổ 2, ấp 3, xã H, huyện X1, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn A và bà Lê Thị B; có vợ là Võ Thị C và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

**- Bị hại:** Bảo hiểm xã hội thị xã P

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt Dương – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số 7, đường Nguyễn Tất Thành, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Công L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Trị (vắng mặt).

+ Bưu điện thị xã P

Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai Thị Phương Linh – Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Khu phố T, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

+ Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ 12, khu phố L, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Quốc P, Nguyễn H và Lê Công L là công nhân làm cùng Công ty TNHH San Fang Việt Nam thuộc KCN X A2, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do L nghỉ việc tại Công ty và có nợ tiền P, H nên P, H đã nảy sinh ý định làm giả giấy chứng minh nhân dân và lấy sổ bảo hiểm xã hội của L để lấy tiền trợ cấp thất nghiệp và tiền Bảo hiểm xã hội một lần của L trừ nợ. Cụ thể như sau:

Khoảng tháng 10/2019, khi thấy L nghỉ việc tại Công ty TNHH San Fang Việt Nam thì P nói H viết cho P đơn xin nghỉ việc đứng tên L để P lấy sổ Bảo hiểm xã hội của L. Mục đích P giữ sổ bảo hiểm của L để đến khi nào L có tiền trả nợ cho P thì P sẽ trả lại sổ bảo hiểm cho L và H đồng ý.

Khoảng 01 tháng sau, P lấy được sổ bảo hiểm xã hội của L, sau nhiều lần P và H liên lạc với L để yêu cầu trả nợ đều không liên lạc được. Nên P đã nảy sinh ý định làm giả giấy tờ của L để lấy tiền bảo hiểm xã hội của L. P nói với H là có biết người làm giấy chứng minh nhân dân giả nên nói H về tìm thử L có để lại giấy tờ gì không để làm giả giấy chứng minh nhân dân thì H đồng ý. Khoảng 02 ngày sau H tìm thấy bản phô tô chứng minh nhân dân của L ở phòng trọ nên H chụp và gửi hình ảnh bản chứng minh nhân dân photo mang tên Lê Công L cho P bằng tin nhắn Facebook.

Sau đó P có liên lạc với một người đàn ông tên H (không rõ nhân thân lai lịch) qua mạng xã hội Facebook để làm 01 giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Lê Công L có dán hình ảnh của P trên giấy chứng minh nhân dân này với giá 600.000 đồng. P có thông báo với H là P đã làm được giấy chứng minh nhân dân giả, sau đó P cầm sổ bảo hiểm xã hội của L cùng giấy chứng minh nhân dân giả

đi đến Trung tâm Dịch vụ việc làm tại thị xã P làm thủ tục nhận trợ cấp thất nghiệp trong 04 tháng gồm tháng 2/2020, 03/2020, 04/2020, 5/2020 và đã nhận được số tiền là 12.950.400 đồng. P có thông báo với H là P đã lấy hết 04 tháng tiền bảo hiểm thất nghiệp của L, nhưng số tiền này chưa đủ số tiền nợ của P và tiền nợ của những người khác cho nên P nói với H là chờ đến khi lấy số tiền Bảo hiểm xã hội của L rồi mới tính số tiền L còn thiếu của P, H và những người khác thì H đồng ý.

Đến ngày 14/01/2021, Võ Quốc P tiếp tục sử dụng sổ Bảo hiểm xã hội và chứng minh nhân dân giả mang tên Lê Công L đến Cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã P làm hồ sơ nhận bảo hiểm xã hội 01 lần. Ngày 29/01/2021, Võ Quốc P đã nhận số tiền là 36.372.664 đồng tại Bưu điện thị xã P.

Tổng số tiền mà P đã chiếm đoạt của Bảo hiểm xã hội là 49.323.064 đồng gồm tiền trợ cấp thất nghiệp là 12.950.400 đồng và Bảo hiểm xã hội một lần là 36.372.664 đồng.

Sau khi nhận được số tiền trên thì P đã trả cho ông Nguyễn Văn D 5.000.000 đồng, bà Huỳnh Thị S 8.000.000 đồng vì Lê Công L còn nợ tiền của những người này. Sau đó, P gặp H và nói là đã lấy được tiền số bảo hiểm xã hội của L, P đã trừ nợ và trả nợ cho những người mà L còn thiếu, còn dư lại số tiền 15.000.000 đồng thì P đưa cho H để trừ nợ L còn thiếu, nếu còn dư thì H đem trả lại cho L. H biết rõ nguồn gốc số tiền P đưa H là tiền bảo hiểm xã hội của L mà P chiếm đoạt.

Ngày 16/8/2021, L gửi đơn tố cáo P giả mạo hồ sơ BHXH mang tên Lê Công L để hưởng trợ cấp thất nghiệp và tiền BHXH một lần tại cơ quan BHXH thị xã P. Cơ quan BHXH thị xã P đã gửi Công văn đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị xử lý vi phạm pháp luật về lĩnh vực bảo hiểm thất nghiệp. Sau khi tiếp nhận, nhận thấy có dấu hiệu tội phạm nên ngày 21/12/2021, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Công an thị xã P để điều tra theo thẩm quyền.

- Về vật chứng:

Sau khi nhận được tiền BHXH một lần, Võ Quốc P đã bỏ thùng rác sổ BHXH và chứng minh nhân dân giả mang tên Lê Công L, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Võ Quốc P và Nguyễn H đã trả lại cho Bảo hiểm xã hội thị xã P số tiền 49.323.064 đồng. Bảo hiểm xã hội thị xã P đã nhận được số tiền trên và không tiếp tục yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Đối với đàn ông tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) là người làm chứng minh nhân dân giả cho P thì cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra xác minh khi đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Đối với ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị Thùy, khi nhận tiền từ Võ Quốc P, ông D và bà S không biết số tiền này là do P chiếm đoạt từ Bảo hiểm xã hội nên nên Cơ quan điều tra không khởi tố, xử lý hình sự là có căn cứ.

Đối với hành vi làm giả và sử dụng giấy chứng minh dân giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì do không thu giữ được mẫu vật cần giám định là bản gốc của giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Lê Công L để chứng minh hành vi phạm tội vì vậy chưa đủ cơ sở để khởi tố Võ Quốc P về tội “Làm

giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự. Do đó cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh khi có đủ cơ sở sẽ đề xuất xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 84/CT-VKSPM ngày 08/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Võ Quốc P và Nguyễn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P giữ nguyên quyết định truy tố Võ Quốc P, Nguyễn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 174, điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Quốc P mức án tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn H mức án tù 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bảo hiểm xã hội thị xã P đã nhận lại số tiền 49.323.064 đồng và không có yêu cầu gì thêm đối với các bị cáo nên không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Quốc P và Nguyễn H khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về bản luận tội của Kiểm sát viên;

Bị cáo Võ Quốc P và Nguyễn H nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội tại phiên tòa của Võ Quốc P và Nguyễn H phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như các tài

liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 02/2020 đến tháng 5/2020 và tháng 01/2021 tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đóng trên địa bàn phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Võ Quốc P và Nguyễn H đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối D hình thức sử dụng Sổ bảo hiểm xã hội của ông Lê Công L và giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Lê Công L để chiếm đoạt của Bảo hiểm xã hội thị xã P bao gồm tiền trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp và tiền bảo hiểm xã hội một lần với tổng số tiền 49.323.064 đồng.

Do đó, hành vi của Võ Quốc P và Nguyễn H thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn không có tổ chức.

Trong vụ án này Võ Quốc P là người khởi xướng đồng thời trực tiếp liên hệ nhờ người làm giả chứng minh nhân dân của ông Lê Công L và trực tiếp nhận tiền trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp và tiền bảo hiểm xã hội một lần từ cơ quan Bảo hiểm xã hội.

Đối với Nguyễn H mặc dù không trực tiếp nhận tiền từ cơ quan Bảo hiểm xã hội nhưng cùng ý chí với P và tiếp tay cho P để chiếm đoạt tài sản của cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã P do đó cùng đồng phạm với P về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng: Võ Quốc P và Nguyễn H nhiều lần chiếm đoạt tài sản của Bảo hiểm xã hội thị xã P, do đó cần áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52 để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã hoàn trả lại cho Bảo hiểm xã hội số tiền 49.323.064 đồng đã chiếm đoạt; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; mặt khác các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[3.3]. Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4]. Về mức hình phạt: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cơ quan Bảo hiểm xã hội được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Các bị cáo là công dân đã trưởng thành, ý thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Đối với Võ Quốc P là người khởi xướng và rủ rê bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội nên cần có mức án cao hơn bị cáo H, tuy nhiên như đã nhận định ở trên bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật

Hình sự, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, có vợ không có nghề nghiệp và hiện đang nuôi 02 con trong độ tuổi đến trường. Nhận thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt và có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù nên cần áp dụng quy định Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với Nguyễn H, quá trình thực hiện hành vi phạm tội H thống nhất ý chính với bị cáo P, tuy nhiên H không trực tiếp nhận tiền từ cơ quan Bảo hiểm xã hội. Mặt khác như đã nhận định ở trên bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, có vợ không có nghề nghiệp và hiện đang nuôi 02 con trong độ tuổi đến trường. Nhận thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt và có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù nên cần áp dụng quy định Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bảo hiểm xã hội thị xã P đã nhận tiền lại số tiền 49.323.064 đồng và không tiếp tục yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Đối với đàn ông tên Huy (chưa rõ nhân thân, lai lịch) là người làm chứng minh nhân dân giả cho P, cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh khi đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Đối với ông Nguyễn Văn D và bà Huỳnh Thị S, khi nhận tiền từ Võ Quốc P, D và S không biết số tiền này là do P chiếm đoạt từ Bảo hiểm xã hội nên nên Cơ quan điều tra không khởi tố, xử lý hình sự là có căn cứ.

Đối với hành vi làm giả và sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì do Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được mẫu vật cần giám định là bản gốc của giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Lê Công L để chứng minh hành vi phạm tội vì vậy chưa đủ cơ sở để khởi tố về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự. Do đó cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh khi có đủ cơ sở sẽ đề xuất xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí: Bị cáo Võ Quốc P và Nguyễn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Võ Quốc P, Nguyễn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Võ Quốc P 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 23/8/2022).

Giao bị cáo Võ Quốc P cho Ủy ban nhân dân phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp Võ

Quốc P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

**2. Áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.**

Xử phạt Nguyễn H mức án 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 23/8/2022).

Giao bị cáo Nguyễn H cho Ủy ban nhân dân xã Hoà Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp Nguyễn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, nếu phạm tội mới thì phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.*

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Bảo hiểm xã hội thị xã P đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt là 49.323.064 đồng và không tiếp tục yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí Hình sự sơ thẩm:** Buộc Võ Quốc P, Nguyễn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã P;
- Công an thị xã P;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV06 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phan Thu Hiền**

